

Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 05 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung và tài sản chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Ngô Văn L, sinh ngày 15-11-1970; địa chỉ: CHLB Đ; hiện đang tạm trú tại: Ecopark, XQ, huyện VG, tỉnh HY;

- Chị Hoàng Phương H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Phố HG, phường CD, quận LC, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 27 tháng 5 năm 2019, các đương sự thống nhất được với nhau các nội dung cần phải giải quyết như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn L và Chị Hoàng Phương H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Thỏa thuận giao con chung Ngô Thịnh V, sinh ngày 16 tháng 2 năm 2016 cho Chị Hoàng Phương H trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Văn L và Chị Hoàng Phương H tự giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Ngô Văn L và Chị Hoàng Phương H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng lệ phí và lệ phí: Chị Hoàng Phương H tự nguyện chịu cả lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Đã hết 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn L và Chị Hoàng Phương H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Ngô Thịnh V, sinh ngày 16 tháng 2 năm 2016 cho Chị Hoàng Phương H trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Văn L và Chị Hoàng Phương H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Anh Ngô Văn L và Chị Hoàng Phương H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Hoàng Phương H nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001846 ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Phương H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, HS.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].